

**CÔNG TY CỔ PHẦN VICOSTONE**

\*\*\*

Số: 77 /2023 CV/VCS-QHCD  
V/v: Giải trình chênh lệch báo cáo kết quả  
kinh doanh hợp nhất Quý 3 năm 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

\*\*\*

Hà Nội, ngày 25 tháng 10 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán  
- Quý cổ đông

Công ty Cổ phần Vicostone (“Công ty”) mã CK: VCS xin trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Ủy ban chứng khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán và Quý cổ đông trong thời gian qua.

Công ty giải trình biến động trên báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hợp nhất Quý 3 năm 2023 so với cùng kỳ năm 2022 chi tiết như sau:

**I. Chênh lệch một số chỉ tiêu trên báo cáo kết quả kinh doanh**

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Quý 3.2023	Quý 3.2022	Chênh lệch	% chênh lệch
10	Doanh thu thuần	1,028,478,214,929	1,095,275,501,307	(66,797,286,378)	(6.10)
11	Giá vốn hàng bán	737,339,887,593	750,875,231,420	(13,535,343,827)	(1.80)
20	Lợi nhuận gộp	291,138,327,336	344,400,269,887	(53,261,942,551)	(15.47)
21	Doanh thu tài chính	31,180,488,124	15,992,696,849	15,187,791,275	94.97
22	Chi phí tài chính	39,057,391,347	48,364,364,132	(9,306,972,785)	(19.24)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay	14,014,416,942	11,315,878,585	2,698,538,357	23.85
25	Chi phí bán hàng	38,926,007,234	65,067,900,562	(26,141,893,328)	(40.18)
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12,870,048,657	14,477,603,348	(1,607,554,691)	(11.10)
31	Thu nhập khác	164,488,629	2,801,168,626	(2,636,679,997)	(94.13)
32	Chi phí khác	2,095,616,436	260,474,766	1,835,141,670	704.54
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	229,534,240,415	235,023,792,554	(5,489,552,139)	(2.34)
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	34,606,503,309	34,178,885,789	427,617,520	1.25
52	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(13,115,903)	(333,171,552)	320,055,649	(96.06)
60	Lợi nhuận sau thuế TNDN	194,940,853,009	201,178,078,317	(6,237,225,308)	(3.10)



## II. Nguyên nhân biến động

Vicostone và các doanh nghiệp xuất khẩu nói chung vẫn chịu ảnh hưởng của các yếu tố vĩ mô toàn cầu trong Quý 3 năm 2023. Lạm phát được dự báo giảm so với năm 2022 nhưng vẫn ở mức cao, điều kiện tài chính bị thắt chặt, lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp và các hộ gia đình đều tăng lên, các căng thẳng chính trị vẫn tiếp diễn. Những nguyên nhân trên làm cho việc chi tiêu của cá nhân và doanh nghiệp bị hạn chế, doanh thu bán hàng của Công ty bị suy giảm do sản phẩm của Công ty không phải hàng hóa thiết yếu. Nguyên nhân dẫn đến biến động trong kết quả kinh doanh của Công ty theo các chỉ tiêu cụ thể như sau:

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 66,797,286,378 đồng (6.10%) do số lượng thành phẩm, hàng hóa bán giảm.

2. Giá vốn bán hàng giảm 13,535,343,827 đồng (1.80%). Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 53,261,942,551 đồng (15.47%).

3. Doanh thu hoạt động tài chính tăng 15,187,791,275 đồng (94.97%), nguyên nhân:

- Lãi chênh lệch tỷ giá tăng 10,591,026,263 đồng.

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay tăng 4,596,765,012 đồng.

4. Chi phí tài chính giảm 9,306,972,785 đồng (19.24%) do:

- Lỗ chênh lệch tỷ giá giảm 12,005,511,142 đồng.

- Chi phí lãi vay tăng 2,698,538,357 đồng.

5. Chi phí bán hàng giảm 26,141,893,328 đồng (40.18%), nguyên nhân chính:

- Chi phí dịch vụ mua ngoài giảm 25,773,904,075 đồng

- Chi phí vật liệu, dụng cụ giảm 960,547,606 đồng

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 1,607,554,691 đồng (11.10%), nguyên nhân chính:

- Chi phí nhân công giảm 958,271,908 đồng

- Chi phí bằng tiền khác giảm 647,813,380 đồng

- Chi phí vật liệu, dụng cụ giảm 149,873,683 đồng

Như vậy, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế của Công ty giảm 5,489,552,139 đồng (2.34%), lợi nhuận sau thuế giảm 6,237,225,308 đồng (3.10%) so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do doanh thu bán hàng giảm.

Xin chân thành cảm ơn./.

### Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu Ban QHCD,
- Lưu VT, TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Phạm Trí Dũng*

